TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2021
V/v: "T.C về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi;
2. Bà Chu Thị Hồng Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị Lê Thị B1, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn H1, xã Đ1, thành phố T, tỉnh T.

(Anh L có mặt, chị B1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, lời khai và tại phên tòa, nguyên đơn, anh Nguyễn Văn L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị B1 thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2016/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 13/4/2011 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 18/02/2013. Ly hôn, anh L, chị B1 thỏa thuận để anh L trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị P, chị B1 trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị H2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Năm 2020 chị B1 đi xây dựng gia đình mới và sinh sống tại xã Đ1, thành phố T, để cháu H2 cho ông bà ngoại chăm sóc. Cháu H2 hiện nay sống cùng với ông bà ngoại tại xã Đ, huyện H và học cấp 1 tại đó. Hàng ngày anh L đến thăm con thấy cháu H2 rất tội nghiệp và thiệt thòi vì không được sống cùng bố, mẹ. Anh L đã nói chuyện với chị B1 để đón cháu H2 về nuôi nhưng chị B1 không đồng ý. Từ khi ly hôn, anh L chưa xây dựng gia đình. Hiện tại anh làm nghề thợ xây ở gần nhà và chăn nuôi bò sinh sản, tổng thu nhập khoảng 7 đến 8 triệu đồng/tháng, việc anh trình bày đã có xác nhận của chính quyền địa phương. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị H2, anh L không yêu cầu chị B1 cấp dưỡng nuôi con H2.

** Bị đơn, chị Lê Thị B1 trình bày:*

Chị Lê Thị B1 và anh Nguyễn Văn L thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10 ngày 04/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T. Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 13/4/2011 và Nguyễn Thị H2, sinh ngày 18/02/2013. Ly hôn, anh L, chị B1 thỏa thuận để anh L trực tiếp nuôi con P, chị B1 trực tiếp nuôi con H2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị B1 đã xây dựng gia đình mới ở xã Đ1, thành phố T nhưng vẫn nuôi cháu H2. Trong thời gian sinh nở chị tạm thời cho con H2 về nhà ông bà ngoại chơi, đến đầu năm học mới chị B1 xin chuyển cháu H2 về ở cùng với chị B1. Chị B1 không đồng ý để anh L nuôi con H2, vì Tòa án đã giải quyết mỗi người nuôi một con.

** Bà Trần Thị D là mẹ đẻ chị Lê Thị B1 trình bày:*

Ông Lê Văn T1, sinh năm 1960, bà Trần Thị D, sinh năm 1960 cùng trú tại: Thôn Đ2, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Ông bà là bố mẹ đẻ chị Lê Thị B1, ông bà làm nghề nông nghiệp (làm ruộng). Vợ chồng anh L, chị B1 có hai con chung là con Nguyễn Thị P, sinh ngày 13/4/2011 và con Nguyễn Thị H2, sinh ngày 18/02/2013. Ly hôn, anh L trực tiếp nuôi con P, chị B1 trực tiếp nuôi con H2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi vợ chồng ly hôn, cháu H2 và chị B1 ở cùng nhà với ông bà. Hiện nay cháu H2 học lớp 3A trường tiểu học và trung học cơ sở L1, tại xã Đ, huyện H, tỉnh T. Hiện chị B1 đã lấy chồng và kết hôn với anh Phạm Văn H3 ở xã Đ1, thành phố T và mới sinh con vào cuối tháng 11/2020 (âm lịch). Từ khi chị B1 kết hôn và sinh con nhỏ đến nay, cháu H2 sống cùng với ông bà, chị B1 vẫn gửi tiền về chăm sóc cháu H2 và đóng tiền học cho cháu H2, chị B1 thường xuyên về thăm nom, chăm sóc cháu H2.

** Cháu Nguyễn Thị H2 trình bày:*

Hiện tại cháu H2 đang học lớp 3A trường Tiểu học và Trung học cơ sở L1, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Cháu H2 không biết hiện nay mẹ đang ở đâu vì mẹ không nói cho cháu biết. Cháu H2 đang ở cùng với ông bà ngoại tại xã Đ, huyện H, tỉnh T, thỉnh thoảng mẹ vẫn về thăm cháu và mua quần áo, sách vở cho cháu. Nay cháu có nguyện vọng được ở với bố, chị gái và ông bà ngoại.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:*

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án báo bị đơn đến Tòa án làm việc bị đơn có đến Tòa án nhưng đến không đầy đủ. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L, giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị H2, sinh ngày 18/02/2013, anh L không yêu cầu chị B1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[2] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L tự nguyện nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

Chị Lê Thị B1 cư trú trên địa bàn thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình. Anh Nguyễn Văn L có mặt tại phiên tòa. Chị Lê Thị B1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự có mặt anh L, vắng mặt chị B1.

II. Về nội dung:

[1] Trước đây anh L và chị B1 là vợ chồng và có hai con chung. Anh L và chị B1 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2016/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T. Tại Quyết định công nhận anh L và chị B1 thỏa thuận: Anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị P, sinh ngày 13/4/2011, chị B1 trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị H2, sinh ngày 18/02/2013 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn với anh L, chị B1 cùng con H2 ở với bố mẹ đẻ chị H2 tại thôn Đ2, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Năm 2020 chị B1 kết hôn với anh Phạm Văn H3 tại xã Đ1, thành phố T và mới sinh con nhỏ. Từ khi kết hôn với anh Huân đến nay chị B1 gửi con H2 cho bố mẹ đẻ là ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị D nuôi dưỡng, hiện cháu H2 đang học lớp 3A tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở L1, xã Đ, huyện H. Tòa án báo chị B1 đến Tòa án để hòa giải nhưng chị B1 không đến, báo chị B1 đến tham gia phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai chị B1 đều vắng mặt không có lý do. Chị B1 đã tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ của mình.

Xét thấy chị B1 đã xây dựng gia đình mới, ở xa, bận nuôi con nhỏ đã gửi cháu H2 cho bố mẹ đẻ nuôi dưỡng, bố mẹ chị B1 đều đã trên 60 tuổi. Chị B1 trình bày sẽ xin chuyển trường cho con H2 về xã Đ1 học và ở cùng chị B1 nhưng thực tế chị B1 chưa thực hiện. Việc nuôi dạy con phải do bố, mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu H2 có nguyện vọng được ở với bố Lợi, chị gái và ông bà ngoại, anh L và ông bà ngoại cháu H2 ở cùng xã Đ, huyện H, nếu giao cháu H2 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng thì vẫn ổn định cho việc sinh hoạt và học tập của cháu H2. Hội đồng xét xử thay đổi người trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị H2 từ chị Lê Thị B1 sang anh Nguyễn Văn L. Giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị H2. Anh L không yêu cầu chị B1 cấp dưỡng nuôi con H2.

[2] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L tự nguyện nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị H2, sinh ngày 18/02/2013. Anh L không yêu cầu chị B1 cấp dưỡng nuôi con H2.

Chị Lê Thị B1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L tự nguyện nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000243 ngày 07/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2021). Chị Lê Thị B1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Tuyết